

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22-5-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Cường
2. Bà Ngô Thị Lan*

*- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Cảnh – Kiểm sát viên.*

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị **Lâu Thị D**, sinh năm 1998*

Số CCCD số: 038198003333; Cấp ngày: 20/8/2021; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nghề nghiệp: Trồng trọt.

*Trú tại: **Bản C, xã P, huyện M, tỉnh Thanh Hóa.** Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

*Bị đơn: Anh **Va Văn P**, sinh năm 1997*

Số CCCD: 038097002544; Cấp ngày: 12/7/2021; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Trú tại: **Bản C, xã P, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện; Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn **Lâu Thị D1** trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh **Va Văn P** tự do tìm hiểu yêu đương, không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai và tự nguyện đến chung sống với nhau từ năm 2025, nhưng đến ngày 11/6/2021 mới đi đăng tại **UBND xã P, huyện M, tỉnh Thanh Hóa** theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống ở **bản C, xã P, huyện M, tỉnh Thanh Hóa** cho đến nay. Sau nhiều năm chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 01 năm 2022 đến nay anh chị đã ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, chị xét thấy không còn tình cảm với anh **Va Văn P**, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Va Văn P**

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh **Va Văn P** có 02 con chung là: Cháu **Va Chí B**, sinh ngày 16/3/2015 và **Va Thị Chí C**, sinh ngày 23/3/2019. Để đảm bảo việc học hành, ổn định tâm lý và môi trường sống ổn định của các cháu, chị yêu cầu Tòa án giải quyết đó là: Giao cháu **Va Thị Chí C** cho chị là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Giao cháu **Va Chí B** cho anh **Va Văn P** trực tiếp nuôi dưỡng và đây cũng là nguyện vọng của cháu. Vì anh chị mỗi người nuôi một cháu nên chị đề nghị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Va Văn P** trình bày:*

Về Hôn nhân: Bản thân anh đồng ý với ý kiến của chị **Lâu Thị D**, anh và chị chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/6/2021 tại **UBND xã P, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**. Đây là lần đầu kết hôn của anh chị. Thời

gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, bảo ban, yêu thương nhau, nhưng sau một thời gian hai người thay đổi tính cách, khác quan điểm sống, nên vợ chồng không còn hòa hợp. Đến khoảng đầu năm 2022 trở lại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hay cãi vã lẫn nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, mỗi người một tính cách. Nhiều lần anh đã nhường nhịn và chịu đựng để giữ hạnh phúc gia đình, chăm lo cho con cái, anh cảm thấy không còn tình cảm với chị **D** nữa và anh cũng cảm thấy chị **D** không còn tình cảm với anh nữa nên mới đối xử với anh như vậy. Anh đồng ý ly hôn với chị **Lâu Thị D**, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống anh chị có 02 con chung là các cháu **Va Chí B**, sinh ngày 16/3/2015 và cháu **Va Thị Chí C**, sinh ngày 23/3/2019. Bản thân anh có nguyện vọng muốn trực tiếp được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu, vì hiện tại hai cháu đều đang ở cùng anh tại: **Bản C, xã P, huyện M, tỉnh Thanh Hóa** và anh không muốn thay đổi nơi ở của các con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh yêu cầu chị **Lâu Thị D** cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/02 cháu/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 26/3/2024 Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ; Do nguyên đơn chị **Lâu Thị D** có đơn không tiến hành hòa giải, nên Tòa án đã không tiến hành hòa được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: **Lâu Thị D** và anh **Va Văn P** đã chung sống chưa đúng theo quy định của pháp luật (từ năm 2015), nhưng đến ngày 16/11/2021 anh chị đã đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, và đây hôn nhân hợp pháp; Anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống và từ đó vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không

thể hàn gắn được. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: là các cháu **Va Chí B**, sinh ngày 16/3/2015 và cháu **Va Thị Chí C**, sinh ngày 23/3/2019, hiện tại các cháu đang ở với bố; Chị **Lâu Thị D** có nguyện vọng muốn nuôi cháu **Va Thị Chí C**, vì cháu là con gái, giao cháu **Va Chí B** cho anh **Va Văn P**; Còn anh **Va Văn P** lại có nguyện vọng muốn được nuôi cả 02 cháu. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu **Va Chí B** lại có nguyện vọng muốn được ở với bố, cháu **Va Thị Chí C** chưa đủ 07 tuổi nên chưa có bản ghi nguyện vọng. Xét thấy, chị **Lâu Thị D** và anh **Va Văn P** không ai bị hạn chế về quyền nuôi con, thu nhập, điều kiện sống cơ bản như nhau. Chị **Lâu Thị D** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, vì mỗi người nuôi một cháu; Anh **Va Văn P** yêu cầu chị **Lâu Thị D** phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ cho cả 02 cháu. Về tài chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, Điều 84, Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 28, điều 35, Điều 40, khoản 4 điều 147, điều 271, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 và Điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Lâu Thị D**.

Về Hôn nhân: Xử cho **Lâu Thị D** được ly hôn với anh **Va Văn P**.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu **Va Thị Chí C**, sinh ngày 23/3/2019 cho chị **Lâu Thị D** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Giao cháu **Va Chí B**, sinh ngày 16/3/2015 cho anh **Va Văn P** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Không ai được ngăn cấm, cản trở anh **Va Văn P** và chị **Lâu Thị D** thăm nom con chung; Anh **Va Văn P** và chị **Lâu Thị D** không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị **Lâu Thị D**.

Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Kiến nghị: Trong thời gian tới, đề nghị các cấp chính quyền địa phương, đặc biệt là **xã P, huyện M**, cần tuyên truyền sâu rộng Luật Hôn nhân và Gia đình đến đồng bào dân cư, có biện pháp xử lý những trường hợp tảo hôn trên địa bàn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh **Va Văn P** đang có hộ khẩu thường trú: **Bản C, xã P, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**, anh chưa chuyển khẩu hay tạm trú tạm vắng ở nơi khác.

Quá trình giải quyết vụ án vụ án, nguyên đơn là chị **Lâu Thị D** đã có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải. Vì vậy Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hoà giải được cho các đương sự theo khoản 4 Điều 207 và Điều 210 BLTTDS.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đã có đơn xin vắng mặt' bị đơn đã được tòa triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ 02 lần, nhưng đều không có mặt. Nên Tòa án căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị **Lâu Thị D** là Nguyên đơn, anh **Văn Văn P** là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và bị đơn, đơn đề nghị xác định mâu thuẫn ở địa phương và quá trình giải quyết vụ án thì: Chị **Lâu Thị D** và anh **Va**

Văn P đã tự do tìm hiểu, yêu đương, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và sống chung với nhau từ năm 2015 không đăng ký kết hôn; đến ngày 16/11/2021 thì chị **Lâu Thị D** và anh **Va Văn P** đã đi đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện M** theo quy định; giai đoạn đầu chung sống, anh chị đã vi phạm luật hôn nhân và gia đình, nhưng thời gian sau không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến khoảng đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm hay xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung trong hôn nhân và anh chị đã sống ly thân, hiện tại mỗi người một nơi, không còn qua lại, không quan tâm gì đến nhau, việc này đã được chính quyền **xã P, huyện M** xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, chị **Lâu Thị D** nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh **Va Văn P**. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn **Văn Văn P** cũng xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không hòa giải được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Đồng thời, anh **Văn Văn P** cũng đồng ý ly hôn với chị **Lâu Thị D**. Hội đồng xét xử xét thấy, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị **Lâu Thị D** và anh **Va Văn V** có 02 con chung, tên các cháu là: cháu **Va Chí B**, sinh ngày 16/3/2015 và cháu **Va Thị Chí C**, sinh ngày 23/3/2019 hiện các cháu đều đang ở với bố. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, các cháu đang ở với bố, bản thân cháu **Va Chí B** là con trai và có nguyện vọng muốn được ở với bố, cháu **Va Thị Chí C** chưa đủ 07 tuổi nên chưa có bản ghi nguyện vọng; Xét thấy, chị **Lâu Thị D** và anh **Va Văn P** không ai bị cấm hoặc hạn chế về quyền nuôi con, nguyện vọng của cháu **Va Chí B** cũng là phù hợp, điều kiện hoàn cảnh, môi trường sống, của anh **Va Văn P**; cháu **Va Thị Chí C** là con gái, đang trong độ tuổi phát triển và để chia sẻ gánh nặng cho anh chị về kinh tế, thời gian. Vì vậy, nên chấp nhận yêu cầu của chị **Lâu Thị D**, đó là giao cháu **Va Thị Chí C**, sinh ngày 23/3/2019 cho chị **Lâu Thị D** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc,

giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; giao cháu **Va Chí B**, sinh ngày 16/3/20215 cho anh **Va Văn P** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành phù hợp, vì cháu là cháu trai và phù hợp với nguyện vọng của cháu. Chị **Lâu Thị D** và anh **Va Văn P** có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản, cản trở và có quyền làm đơn đề nghị thay đổi nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị **Lâu Thị D** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên chấp nhận yêu cầu này. Không chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng của anh **Va Văn P**, vì mỗi người nuôi 1 cháu, điều kiện sống, thu nhập như nhau.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị **Lâu Thị D** là người dân tộc thiểu số “Mông”, thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo và đã có đơn xin được miễn án phí, nên HĐXX miễn án phí HNGĐ sơ thẩm cho chị **Lâu Thị D**.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 3 Điều 210, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148, Điều 278, Điều 282 và Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, Điều 84, Điều 88 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Lâu Thị D**

1.1. Về Hôn nhân: Cho chị **Lâu Thị D** được ly hôn với anh **Va Văn P**.

1.2. Về nuôi con chung: Giao cháu **Va Thị Chí C**, sinh ngày 23/3/2019 cho chị **Lâu Thị D** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu **Va Chí B**, sinh ngày 16/3/20215 cho anh **Va Văn P** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ

18 tuổi); Chị **Lâu Thị D** và anh **Va Văn P** có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở và anh chị đều có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ của pháp luật.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

1.4. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xét.

2. Về án phí: Miễn án phí HNGĐ sơ thẩm cho chị **Lâu Thị D**.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai. Vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Phòng 9 - VKS nhân dân T. Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Pù Nhi, huyện Mường Lát;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng